TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2025
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Bà Lê Thị Ngọc

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N; sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị N, anh H. Chị N, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn H đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương vào cuối năm 1997, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng tại Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh

Hóa. Quá trình chung sống, chị và anh H có ba con chung. Chị và anh H chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhung không ai quan tâm tới ai. Do thời gian chung sống, anh chị không am hiểu pháp luật nên mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng đã lâu nhưng vẫn chưa đến Uỷ ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung là cháu Phạm Thị N1, sinh ngày 05/01/1997, cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 03/02/2003 và cháu Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 24/8/2010. Hiện cháu N1 và cháu H1 đã thành niên, có khả năng lao động. Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu V thành niên.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị Phạm Thị N đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương vào cuối năm 1997, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng tại Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, anh và chị N có ba con chung. Anh và chị N chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhung không ai quan tâm tới ai. Do thời gian chung sống, anh chị không am hiểu pháp luật nên mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng đã lâu nhưng vẫn chưa đến Uỷ ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.

Về con chung: Anh H và chị N có 03 con chung là cháu Phạm Thị N1, sinh ngày 05/01/1997, cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 03/02/2003 và cháu Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 24/8/2010. Hiện cháu N1 và cháu H1 đã thành niên, có khả năng lao động. Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh giao cháu V cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu V thành niên.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị N, anh H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 14; 15; 51; 53; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H. Giao cháu Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 24/8/2010 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu V thành niên. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H, nơi cư trú tại Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị N, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào cuối năm 1997, chung sống với nhau như vợ chồng và có ba con chung. Chị N và anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong cuộc sống, chị N và anh H xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Chị N và anh H đều yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung. Hiện cháu N1 và cháu H1 đã thành niên, có khả năng lao động. Chị N và anh H không yêu cầu nên không xem xét.

Chị N và anh H đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi

cháu V. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị N và anh H: giao cháu V cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đồng ý với mức đề nghị và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung theo ý kiến của anh H. Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu V thành niên.

[4] Về tài sản: Chị N, anh H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 15; 51; 53; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 24/8/2010 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu V thành niên.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0002462 ngày 29/11/2024. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Ngọc Liên;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh